

**LÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC CÁC CÔNG TRÌNH THUY LỢI
DO CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CTTL ĐẮC NÔNG QUẢN LÝ**

Ngày cập nhật: Ngày 07 tháng 3 năm 2018

TT	Công trình/ Khu tưới	Địa điểm xây dựng (xã)	Cột nước hữu ích Hhd (m)	Dung tích hữu ích (10 ³ m ³)	Hình thức tràn xả lũ	Mực nước hiện tại so với MNDBT (m)	Dung tích hiện tại (10 ³ m ³)	Dung tích hiện tại so với dung tích thiết kế (%)	Nhận định tình hình hạn hán, thiếu nước	Nhận định thời gian xảy ra thiếu nước
I	Thị xã Gia Nghĩa			6.423,200			5.827,420	90,72		
1	Hồ Nam Đa	Đắk Nia	8,20	1.082,400	Tự do	-0,50	1.044,300	96	Đảm bảo	
2	Hồ Chế Biển	Đắk Nia	4,00	689,710	Tự do	-0,10	647,210	94	Đảm bảo	
3	Hồ Fai Kol Poul Đăng	Đắk Nia	5,40	400,000	Tự do	-0,90	331,600	83	Đảm bảo	
4	Hồ Đắk Noh (Đắk Đố)	Đắk Nia	4,70	426,600	Tự do	-0,75	359,850	84	Đảm bảo	
5	Hồ Đắk Cút	Đắk Nia	7,41	790,100	Tự do	-1,20	651,980	83	Đảm bảo	
6	Hồ Thôn 2B	Đắk Nia	6,00	330,690	Tự do	-0,35	316,340	96	Đảm bảo	
7	Hồ Đắk Rial	Đắk Nia	8,40	306,200	Tự do	-1,10	241,300	79	Đảm bảo	
8	Hồ Bẫy Mới	Quảng Thành	3,00	102,500	Tự do	-1,75	67,500	66	Đảm bảo	
9	Hồ Tân Hiệp 1	Đắk R'moan	5,50	766,600	Tự do	-0,60	724,060	94	Đảm bảo	
10	Hồ Thủy lợi Nghĩa Phú	Nghĩa Phú	5,10	68,900	Tự do	-1,75	32,330	47	Đảm bảo	
11	Hồ Sinh Ba	Nghĩa Trung	3,10	249,500	Cửa van	0,05	249,500	100	Đảm bảo	
12	Hồ Tổ 5	Nghĩa Trung	4,00	300,000	Tự do	-0,50	285,000	95	Đảm bảo	
13	Hồ Tổ 6	Nghĩa Trung	4,50	305,000	Tự do	-0,55	271,450	89	Đảm bảo	
14	Hồ Đắk Nút	Nghĩa Đức	4,95	605,000	Tự do	0,00	605,000	100	Đảm bảo	
II	Huyện Krông Nô			22.234,310			20.792,028	93,51		
1	Công trình thủy lợi Đắk Rô	Đắk Đ'rô	18,00	12.230,000	Cửa van	-4,10	11.236,570	92	Đảm bảo	
2	Hồ Đắk Nang	Đắk Nang	3,60	3.600,000	Tự do	-0,25	3.506,084	100	Đảm bảo	
3	Hồ Nam Đa (Đắk Mâm)	Nam Đa	4,00	3.264,920	Tự do	-0,35	3.160,333	97	Đảm bảo	
4	Hồ Đắk Hou	Năm N'Dir	1,50	456,900	Tự do	-0,30	443,491	97	Đảm bảo	
5	Hồ Đắk Pok	Năm N'Dir	2,50	846,000	Tự do	-0,40	809,018	96	Đảm bảo	
6	Hồ Đắk Mhang	Nam Nung	2,00	695,000	Tự do	-1,20	594,931	86	Đảm bảo	
7	Hồ Buôn Rcập	Nam Nung	5,10	598,520	Tự do	-1,70	554,340	100	Không đảm bảo	
8	Hồ Buôn Dong	Quảng Phú	3,17	173,870	Tự do	-1,30	151,497	87	Đảm bảo	
9	Hồ Buôn Lang	Quảng Phú	7,10	369,100	Tự do	-2,00	335,763	91	Đảm bảo	
10	Trạm bơm Đắk Rền	Năm N'Dir							Không đảm bảo	
	- Trạm bơm số 1	Năm N'Dir				0,60			Không đảm bảo	
	- Trạm bơm số 1A	Năm N'Dir				0,60			Không đảm bảo	
	- Trạm bơm số 2	Năm N'Dir				0,40			Không đảm bảo	
	- Trạm bơm số 3	Năm N'Dir				0,50			Không đảm bảo	
	- Trạm bơm số 4	Năm N'Dir				0,40			Không đảm bảo	
	- Trạm bơm số 5	Năm N'Dir				Kiệt			Không đảm bảo	
11	Trạm bơm Buôn Choách	Buôn Choách				1,50			Đảm bảo	
12	Trạm bơm D12 Buôn Suk	Quảng Phú				0,80			Đảm bảo	
III	Huyện Đắk Song			12.611,230			11.818,960	93,72		
1	Hồ Đắk Toa	Thuận Hà	5,00	1.717,660	Tự do	-0,15	1.674,720	98	Đảm bảo	
2	Hồ Sinh Muồng	Thuận Hạnh	3,00	1.431,000	Tự do	-0,02	1.423,000	99	Đảm bảo	
3	Hồ Đắk Kuál	Đắk N'Drung	7,77	1.230,700	Cửa van	-0,16	1.205,770	98	Đảm bảo	
4	Đập Đắk Nhai	Trương Xuân	8,01	1.064,700	Tự do	-0,70	975,980	92	Đảm bảo	
5	Hồ Cư Prông	Đắk Mol	5,00	115,000	Tràn giếng	-0,65	100,340	87	Không đảm bảo	
6	Hồ Đắk Mol	Đắk Mol	4,50	759,000	Tự do	-0,15	728,230	96	Không đảm bảo	
7	Hồ Đắk RLon	TT Đức An	8,80	907,670	Cửa van	-0,10	897,910	99	Đảm bảo	
8	Hồ Đắk Mruông	TT Đức An	5,70	321,500	Tràn giếng	-2,40	206,340	64	Không đảm bảo	
9	CTTL Đắk Lép	Năm N'Jang	7,00	641,800	Tự do	-0,50	599,010	93	Đảm bảo	
10	Thủy lợi Năm N'Jang	Năm N'Jang	4,40	563,950	Cửa van	-0,15	546,690	97	Đảm bảo	
11	Hồ Đắk Pông Bê	Đắk N'DRung	6,80	748,800	Tự do	-0,19	729,310	97	Đảm bảo	
12	Hồ Suối Đá	Đắk N'DRung	4,50	252,000	Tự do	-0,31	230,300	91	Đảm bảo	
13	Hồ Thôn 2	Đắk N'DRung	4,20	145,000	Tự do	-0,40	116,000	80	Không đảm bảo	
14	Hồ Thôn 5	Đắk N'DRung	3,20	135,000	Cửa van	-0,50	125,000	93	Không đảm bảo	
15	Hồ Thôn 7 (Bu Bong)	Đắk N'DRung	3,20	114,000	Tự do	-0,60	82,910	73	Không đảm bảo	
16	Hồ Thuận Tân	Thuận Hạnh	6,00	262,000	Tự do	-0,15	256,300	98	Không đảm bảo	
17	Hồ Thuận Thành	Thuận Hạnh	8,70	742,600	Cửa van	-0,44	706,690	95	Đảm bảo	
18	Hồ Đắk Mruong	Thuận Hạnh	2,70	479,950	Tự do	-0,24	437,290	91	Không đảm bảo	
19	Hồ Thôn 2 (Trường Xuân)	Trường Xuân	4,70	455,900	Tràn giếng	-0,70	389,410	85	Không đảm bảo	
20	Hồ Thôn 3	Trường Xuân	5,30	249,500	Tự do	-1,50	184,090	74	Không đảm bảo	
21	CTTL Đắk Cai	Trường Xuân	3,90	273,500	Tự do	-1,20	203,670	74	Không đảm bảo	
IV	Huyện Tuy Đức		-	14.268,570			11.625,449	81,48		
1	Hồ Đắk R'Tih	Đắk R'Tih	6,00	1.808,000	Tự do	-0,70	1.746,283	97	Đảm bảo	
2	Hồ Đắk Buk So	Đắk Buk Sor	3,53	1.081,000	Tự do	-1,00	977,996	90	Đảm bảo	
3	Hồ Đắk Ría	Đắk R'Tih	3,60	1.049,000	Tự do	-1,00	948,929	90	Đảm bảo	
4	Hồ Đắk Ké	Quảng Trực	4,70	384,500	Tự do	-0,60	372,711	97	Đảm bảo	
5	Hồ Đắk Huyết	Quảng Trực	8,40	410,000	Tự do	-0,80	390,839	95	Đảm bảo	
6	Hồ Đắk Bliêng	Đắk R'Tih	3,20	759,000	Cửa van	-1,00	714,204	94	Không đảm bảo	
7	Đập Bon Đắk Bu Lum	Quảng Trực	5,50	138,470	Tự do	-1,20	126,740	92	Đảm bảo	
8	Hồ Đắk Ké 2	Quảng Trực	6,90	403,700	Tự do	-1,50	369,984	92	Không đảm bảo	
9	Hồ Thôn 2 (Pu Prăng)	Quảng Trực	5,00	107,900	Tự do	-0,02	107,000	99	Đảm bảo	
10	Hồ Doãn Văn	Đắk R'Tih	3,90	918,400	Tự do	-1,37	833,053	91	Không đảm bảo	
11	Đập Đắk Bu Riley	Đắk R'Tih	5,00	125,290	Tự do	0,00	125,290	100	Đảm bảo	
12	Hồ Đắk BLung	Đắk Buk Sor	5,70	562,280	Tự do	-0,50	533,540	95	Đảm bảo	
13	Đập Đắk Glun 1	Đắk Ngo	7,13	460,800	Tự do	-0,20	454,040	99	Đảm bảo	
14	Đập Đắk Glun 2	Đắk Ngo	8,00	460,800	Tự do	-0,20	454,624	99	Đảm bảo	
15	Đập Đắk Glun 3	Đắk Ngo	8,00	562,500	Tự do	-0,20	555,679	99	Đảm bảo	
16	Đập Đắk Rma	Đắk Buk Sor	3,90	408,300	Tự do	-0,03	406,000	99	Đảm bảo	
17	Đập Đắk Huyết 4	Quảng Trực	4,30	477,830	Tự do	-0,80	442,234	93	Đảm bảo	
18	Đập D2	Quảng Trực	7,00	815,000	Tự do	0,00	815,000	100	Đảm bảo	
19	Hồ Số 1	Đắk Ngo	4,58	824,000	Tự do	-0,40		-	Đảm bảo	

TT	Công trình/ Khu tưới	Địa điểm xây dựng (xã)	Cột nước hữu ích Hhd (m)	Dung tích hữu ích (10 ³ m ³)	Hình thức tràn xả lũ	Mực nước hiện tại so với MNDBT (m)	Dung tích hiện tại (10 ³ m ³)	Dung tích hiện tại so với dung tích thiết kế (%)	Nhận định tình hình hạn hán, thiếu nước	Nhận định thời gian xảy ra thiếu nước
20	Hồ Số 2	Đắk Ngo	48,39	426,300	Tự do	-1,10		-	Đảm bảo	
21	Hồ Số 3	Đắk Ngo	5,06	382,500	Tự do	-1,30		-	Đảm bảo	
22	Hồ Số 4	Đắk Ngo	5,00	368,000	Tự do	-0,80		-	Đảm bảo	
23	Hồ Đắk Tiên Tranh	Đắk Buk So	4,10	1.335,000	Tự do	-0,70	1.251,303	94	Đảm bảo	
V	Huyện Đắk RLấp			26.907,690			25.354,496	94,23		
1	Hồ Đắk RTang	Kiến Thành	4,00	1.340,000	Tự do	-0,52	1.269,900	95	Đảm bảo	
2	Hồ Thôn 2 (Đắk Sin)	Đắk Sin	3,80	1.213,250	Cửa van	-0,85	1.113,280	92	Đảm bảo	
3	Hồ Cầu Tư	Nghĩa Thắng	5,00	7.960,000	Tự do	-2,30	7.241,815	91	Đảm bảo	
4	Hồ Nhân Cơ	Nhân Cơ	4,50	452,000	Cửa van	-0,40	424,388	94	Đảm bảo	
5	Đập Quảng Lộc	Đạo Nghĩa	9,10	1.103,000	Tự do	-0,10	1.096,741	99	Đảm bảo	
6	Hồ Đắk Cồn	Đạo Nghĩa	4,80	773,810	Tự do	-0,05	768,503	99	Đảm bảo	
7	Hồ Đắk Sinh (Hồ thôn 5)	Đắk Sin	3,50	1.164,440	Tự do	-0,10	1.155,209	99	Đảm bảo	
8	Thủy lợi Bàu Muối	Nhân Đạo	4,84	938,900	Tự do	-1,40	848,814	90	Đảm bảo	
9	Hồ Đắk Nêr	Nhân Đạo	6,10	1.000,700	Tự do	-0,10	993,819	99	Đảm bảo	
10	Hồ Thôn 11	Nhân Cơ	6,50	461,300	Tự do	-0,18	457,458	99	Đảm bảo	
11	Hồ Số 3	Nhân Cơ	5,40	183,600	Tự do			0	Đảm bảo	
12	Hồ Thôn 12	Nhân Cơ	6,50	403,030	Tự do	-0,20	397,223	99	Đảm bảo	
13	Hồ Thôn 5	Đắk Sin	4,80	702,070	Tự do	-0,10	696,627	99	Đảm bảo	
14	Đập Thôn 5	Đắk Sin	6,90	745,000	Tự do	-0,65	695,025	93	Đảm bảo	
15	Hồ Đắk Sin	Đắk Sin	3,40	686,060	Tự do	-0,30	665,243	97	Đảm bảo	
16	Hồ Đắk Blao	TT Kiến Đức	4,00	264,480	Tự do	-0,25	253,298	96	Đảm bảo	
17	Thủy lợi Da Dung	TT Kiến Đức	8,60	289,400	Tự do	-0,55	281,506	97	Đảm bảo	
18	Hồ Đắk R'Mur	Nhân Đạo	6,90	764,350	Tự do	-0,60	731,293	96	Đảm bảo	
19	Hồ Đắk Rsung	Nhân Đạo	5,40	494,000	Tự do	-0,10	490,745	99	Đảm bảo	
20	Hồ Bon Pi Nao	Nhân Đạo	6,77	916,700	Tự do	-0,70	867,153	95	Đảm bảo	
21	Hồ Sa Da Co	Quảng Tín	6,00	350,000	Tự do	-0,15	347,773	99	Đảm bảo	
22	Hồ Thôn 9 Quảng Tín	Quảng Tín	6,60	517,000	Tự do	0,00	517,000	100	Đảm bảo	
23	Thủy lợi Đắk Xá	Quảng Tín	4,10	408,100	Tự do	-0,30	394,897	97	Đảm bảo	
24	Hồ Đắk Ru I	Đắk Ru	3,20	422,000	Tự do	0,00	422,000	100	Đảm bảo	
25	Hồ Đắk Ru II	Đắk Ru	6,00	458,900	Tự do	-0,80	439,082	96	Đảm bảo	
26	Hồ Đắk Tát	Hưng Bình	5,00	544,000	Tự do	-0,80	488,234	90	Đảm bảo	
27	Đập thôn 8 Đắk Sin	Hưng Bình	4,30	418,100	Cửa van	-0,50	396,518	95	Đảm bảo	
28	Hồ Thôn 9 (Kiến Thành)	Kiến Thành	6,60	610,300	Tự do	-0,30	596,535	98	Đảm bảo	
29	Hồ Thôn 2	Quảng Tín	4,00	120,000	Tự do	0,05	120,301	100	Đảm bảo	
30	Hồ Bon Bu Ja Rá	Nghĩa Thắng	5,40	494,000	Tự do	0,10	497,290	101	Đảm bảo	
31	Hồ Đắk Krung	Đắk Wer	1,70	532,000	Tự do	-0,12	522,809	98	Đảm bảo	
32	Đập Đắk Jeng Tung	Kiến Thành	5,50	177,200	Cửa van	-0,80	164,02	93	Đảm bảo	
VI	Huyện Đắk GLong			11.656,600			10.159,117	87,15		
1	Hồ Thủy điện	Quảng Sơn	3,50	1.200,000	Tự do	0,02	1.200,000	100	Đảm bảo	
2	Hồ Công ty 847	Quảng Sơn	4,00	1.098,450	Tự do	-0,80	967,250	88	Đảm bảo	
3	Hồ Đắk Hlang	Quảng Khê	7,70	524,170	Tự do	-0,80	450,570	86	Đảm bảo	
4	Hồ Trường Học	Quảng Khê	2,50	190,000	Tự do	-0,05	187,150	99	Đảm bảo	
5	Nao Ma A	Quảng Khê	9,60	568,800	Tự do	-1,00	510,800	90	Đảm bảo	
6	Hồ Thôn 2 (Nao Kon Đoi)	Quảng Khê	2,17	410,300	Tự do	-0,25	355,300	87	Đảm bảo	
7	Hồ Thôn 4	Quảng Khê	8,50	356,320	Tự do	-0,70	310,820	87	Đảm bảo	
8	Hồ Đắk Srê	Quảng Khê	4,30	732,900	Tự do	-1,20	508,500	69	Đảm bảo	
9	Hồ Thôn 3	Quảng Khê	2,00	350,000	Tự do	0,00	350,000	100	Đảm bảo	
10	CTTL Nder	Quảng Khê	8,27		Tự do	-0,50			Đảm bảo	
11	Hồ Bă Rai	Quảng Khê	3,50		Tự do	-0,80			Đảm bảo	
12	Hồ Bi Zê Rê	Đắk Som	8,00	332,700	Tự do	-0,60	296,700	89	Đảm bảo	
13	Hồ BDong	Đắk Som	2,50	400,000	Tự do	-0,10	386,000	97	Đảm bảo	
14	Thủy lợi Thôn 5	Đắk Som	8,40	241,400	Tự do	-3,80	85,600	35	Đảm bảo	
15	Hồ Chum Ia	Đắk Som	3,00		Tự do	-0,15			Đảm bảo	
16	Hồ Thôn 1	Đắk Ha	7,80	84,000	Tự do	-0,75	69,000	82	Đảm bảo	
17	Hồ Đắk Bông	Đắk Ha	8,10	165,120	Tự do	-1,55	117,070	71	Đảm bảo	
18	Hồ Đắk Ha	Đắk Ha	8,00	691,000	Tự do	-0,60	646,000	93	Đảm bảo	
19	Hồ Đắk RTiếng	Đắk Ha	8,30	169,340	Tự do	-0,63	149,117	88	Đảm bảo	
20	Hồ Trảng Ba	Đắk Ha	4,50	270,000	Tự do	-2,50	20,000	7	Đảm bảo	
21	Hồ Đắk Snao	Đắk R'măng	2,90	594,800	Tự do	-0,20	549,400	92	Đảm bảo	
22	Hồ Đa Hang Lang	Đắk R'măng	3,50		Tự do	-0,17			Đảm bảo	
23	Hồ Đèo 52(Hồ 831)	Quảng Sơn	6,50	240,000	Tự do	-1,50	157,350	66	Đảm bảo	
24	Hồ Đắk Snao 1(Hồ 882A)	Quảng Sơn	3,00	560,250	Tự do	-0,20	540,050	96	Đảm bảo	
25	Hồ Đắk Snao 2(Hồ 882B)	Quảng Sơn	7,90	145,000	Tự do	-0,22	124,760	86	Đảm bảo	
26	Hồ Đắk Snao 3	Quảng Sơn	3,50	620,520	Tự do	-0,05	614,850	99	Đảm bảo	
27	Hồ Thôn 3B Bon Sa Nar	Quảng Sơn	8,06	625,500	Tự do	-0,80	527,900	84	Đảm bảo	
28	Thủy lợi Đắk Nder 2	Quảng Sơn	3,80	456,030	Tự do	-0,20	422,070	93	Đảm bảo	
29	Hồ Km41	Quảng Sơn	2,50	370,000	Tự do	-0,07	358,660	97	Đảm bảo	
30	Hồ Ba Trong	Quảng Sơn	2,00	260,000	Tự do	-0,10	254,200	98	Đảm bảo	
VII	Huyện Đắk Mil			20.262,220			15.748,711	77,72		
1	Công trình hồ Đắk Săk	Đức Minh	10,00	7.747,500	Tự do	-1,50	6.240,000	81	Đảm bảo	
2	Hồ Tây	TT Đắk Mil	3,85	2.830,480	Tự do	-0,47	2.460,224	87	Đảm bảo	
3	Hồ Núi lửa	Thuận An	4,00	620,000	Tự do	-1,60	287,368	46	Không đảm bảo	Cuối vụ
4	Công trình Đập Đắk Puer	Thuận An	4,00	350,000	Cửa van	-1,05	235,025	67	Không đảm bảo	Cuối vụ
5	Công trình Đập Đắk Goun thượng	Thuận An	5,20	498,000	Cửa van	-1,65	281,913	57	Đảm bảo	
6	Công trình Đập Yok Lom	Thuận An	6,55	513,960	Tự do	-0,63	466,066	91	Đảm bảo	
7	Công trình Đập Jun Juh	Đức Minh	3,40	618,680	Cửa van	-0,73	366,678	59	Đảm bảo	
8	Công trình hồ Đắk Sai	Đắk Lao	8,00	133,400	Cửa van	-2,35	93,431	70	Đảm bảo	
9	Công trình hồ Đắk Mбай	Đắk Lao	4,56	91,600	Cửa van	-2,25	55,276	60	Không đảm bảo	Cả phê thiếu đợt 3,4
10	Công trình hồ Đắk Ken (6B)	Đắk Lao	3,00	30,000	Tự do	-0,67	18,096	60	Không đảm bảo	Cả phê thiếu đợt 2,3,4
11	Công trình hồ Đắk Louu	Đắk Lao	8,50	55,000	Tự do	-1,25	16,719	30	Không đảm bảo	Cả phê thiếu đợt 2,3,4
12	Công trình Đắk Rla	Đắk N'DRót	4,00	165,000	Tự do	-1,20	91,800	56	Đảm bảo	
13	Công trình Đô Ry I	Đắk Rla	8,00	283,500	Cửa van	-1,25	215,626	76	Đảm bảo	
14	Công trình Đô Ry II	Đắk Rla	12,70	1.314,050	Cửa van	-2,30	983,602	75	Đảm bảo	
15	Công trình Đắk NDRót	Đắk N'DRót	7,50	220,000	Tự do	-2,30	125,088	57	Đảm bảo	
16	Công trình Đắk Láp	Đắk Găn	4,00	165,000	Tự do	-1,90	59,075	36	Đảm bảo	
17	Công trình Đắk Goun	Đắk N'DRót	3,70	192,300	Cửa van	-1,90	86,101	45	Đảm bảo	

TT	Công trình/ Khu tưới	Địa điểm xây dựng (xã)	Cột nước hữu ích Hhd (m)	Dung tích hữu ích ($10^3 m^3$)	Hình thức tràn xả lũ	Mức nước hiện tại so với MNDBT (m)	Dung tích hiện tại ($10^3 m^3$)	Dung tích hiện tại so với dung tích thiết kế (%)	Nhận định tình hình hạn hán, thiếu nước	Nhận định thời gian xảy ra thiếu nước
18	Công trình thủy lợi Mạnh Tiến	Đức Mạnh	2,50	50,000	Cửa van	-0,19	42,689	85	Không đảm bảo	Cà phê thiếu đợt 3,4
19	Công trình hồ Vạn Xuân	TT Đắk Mil	3,00	37,500	Tự do	1,80	18,741	50	Không đảm bảo	
20	Đập ông Truyền	Đức Minh	2,00	30,000	Tự do	-0,80	10,800	36	Không đảm bảo	Cà phê thiếu đợt 3,4
21	Đập ông Hiền	Đức Minh	3,00	30,000	Tự do	-0,95	14,008	47	Không đảm bảo	Cà phê thiếu đợt 3,4
22	Hồ E29	Đắk Sắk	2,00	720,000	Tự do	0,01	720,000	100	Đảm bảo	
23	Đập Sapa (Hồ đội 3)	Thuận An	2,00	45,000	Tự do	0,00	45,000	100	Đảm bảo	
24	Hồ Bu Đắk	Thuận An	4,00	475,000	Tự do	-0,50	403,125	85	Đảm bảo	
25	Hồ Nông trường Thuận An	Thuận An	7,00	315,000	Tự do	-2,60	124,457	40	Đảm bảo	
26	Hồ Lâm trường Thuận An	Thuận An	6,00	285,000	Tự do	-0,88	219,117	77	Đảm bảo	
27	Hồ Lâm trường Đắk Găn	Đắk Găn	4,00	61,250	Tự do	-1,97	21,702	35	Không đảm bảo	Cà phê thiếu đợt 3,4
28	Hồ Thác Hôn	Đức Mạnh	10,00	1.275,000	Tự do	-1,33	1.082,576	85	Đảm bảo	
29	Hồ Đội 2	Thuận An	4,80	288,000	Tự do	-0,23	261,061	91	Đảm bảo	
30	Hồ Đội 1	Đắk Lao		600,000	Tự do	-0,12	576,240	96	Đảm bảo	
31	Hồ Đội 35	Đắk Lao		110,000	Tự do	-0,85	84,390	77	Không đảm bảo	Cà phê thiếu đợt 3,4
32	Hồ Đội 40	Đắk Lao		102,000	Tự do	-1,64	35,506	35	Không đảm bảo	Cà phê thiếu đợt 3,4
33	Thọ Hoàng	Đắk Sắk	4,80	10,000	Tự do	-0,15	7,211	72	Đảm bảo	
VIII	Huyện Cư Jút			12.110,150			6.039,377	49,87		
1	Hồ Đắk Diêr	Cư Knia	6,40	5.500,600	Tự do	-2,00	3.090,591	56	Đảm bảo	
2	Hồ Đắk Đrông	Đắk Đrông	4,00	3.766,700	Cửa van	-2,26	1.667,472	44	Không đảm bảo	Cuối vụ
3	Hồ Buôn Buôr	Tâm thắg	1,40	298,520	Cửa van	-1,20	282,458	95	Đảm bảo	
4	Hồ Cư Pu	Nam Dong	6,50	424,000	Tự do	-6,30	9,132	2	Không đảm bảo	
5	Hồ Tiểu Khu 839	Đắk Wil	3,10	194,250	Tự do	-1,40	98,110	51	Đảm bảo	
6	Hồ Tiểu Khu 840	Đắk Wil	6,05	614,060	Tự do	-2,00	349,405	57	Đảm bảo	
7	Hồ Ea Dier	Đắk Đrông	3,90	392,520	Tự do	-2,70	109,906	28	Không đảm bảo	Cuối vụ
8	Hồ Trúc Sơn	Trúc Sơn	6,70	919,500	Cửa van	-2,50	432,302	47	Không đảm bảo	Cuối vụ
9	Trạm bơm Ea Pô	Ea Pô							Không đảm bảo	Cuối vụ
170	TỔNG CỘNG:			126.473,970			107.365,557	84,89		